

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thương Huyền

Các Thẩm phán:

Bà Lê Ngọc Nga

Ông Nguyễn Hồ Thanh Bạch

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Trọng Luân – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Hà Thị Thúy Hằng - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 16, 28 tháng 6 và ngày 05 tháng 7 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành Phố Hồ Chí Minh đã xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 421/2019/TLPT-DS ngày 17 tháng 9 năm 2019 về việc “Tranh chấp về thừa kế”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 150/2019/DS-ST ngày 24 tháng 7 năm 2019 của Tòa án nhân dân Quận X bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2274/2021/QĐ-PT ngày 25 tháng 5 năm 2021 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số/2021/QĐ-PT ngày 16 tháng 6 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị T

Địa chỉ: 93/86 Bạch Vân, Phường N, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:

Bà Trương Thị H – Luật sư Văn phòng Luật sư Trương Thị H- Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh

Bị đơn: Bà Trần Thị M

Địa chỉ: 4.2 Chung cư 830 Đường b, Phường N, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn:

Ông Huỳnh Phi L – Luật sư Văn phòng Luật sư Q - Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Ông Trần Văn C (chết ngày 27/5/2020);

Ông Trần Văn M1;

Ông Trần Văn H1;

Bà Châu Thị Tuyết V;

Bà Trần Thị Tuyết H2;

Cùng địa chỉ: 455/13 Đường a, Phường M, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Trần Văn C: Bà Trần Thị Thanh T1 (vợ ông Trần Văn C)

Địa chỉ: TK53/38E Đường b, phường C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người kháng cáo: Bà Trần Thị T – Nguyên đơn

Ông Trần Văn C, ông Trần Văn H1, bà Châu Thị Tuyết V và bà Trần Thị Tuyết H2 – Đều là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Ông Trần Văn A (chết ngày 27/7/2010) và bà Nguyễn Thị A1 (chết ngày 27/12/1976) có tạo lập được căn nhà số 455/13 (số cũ 457/295) đường a, Phường M, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông A và bà A1 có 07 người con chung gồm:

1. Bà Trần Thị T, sinh năm 1947
2. Bà Trần Thị B, sinh năm 1945 (chết ngày 26/7/1991, không có chồng con)
3. Bà Trần Thị M, sinh năm 1953
4. Ông Trần Văn C, sinh năm 1958 (ông Chín chết ngày 27/5/2020 có vợ là bà Trần Thị Thanh T1 sinh năm 1971)
5. Ông Trần Văn M1, sinh năm 1960
6. Ông Trần Văn H1, sinh năm 1965
7. Ông Trần Văn H3, sinh năm 1967 (chết ngày 23/9/1997 có vợ là bà Châu Thị Tuyết V và con là Trần Thị Tuyết H2, sinh năm 1989)

Ngoài những người con này, ông A và bà A1 không có con riêng và con nuôi. Cha mẹ của ông A và bà A1 đã chết trước năm 1975.

Trong giai đoạn xét xử sơ thẩm bà Trần Thị T trình bày: Ngày 22/7/2011 tại Ủy ban nhân dân Phường M, Quận X; chị em bà T yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật đối với nhà đất 455/13 đường An Vương Vương, Phường M, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh thì bà Trần Thị M đưa ra Tờ di chúc đề ngày 25/02/1997 có nội dung ông Trần Văn A đã để thừa kế căn nhà trên cho bà Trần Thị M.

Tờ di chúc trên không có giá trị pháp lý vì tại thời điểm lập di chúc ông Trần Văn A đã trên 80 tuổi tinh thần không còn minh mẫn, di chúc viết tay không có người làm chứng, không có lấn tay của ông A, chữ ký trong tờ di chúc không phải của ông Trần Văn A. Nội dung xác nhận của Ủy ban nhân dân phường chỉ xác nhận ông Trần Văn A có đăng ký hộ khẩu thường trú tại 457/295 Đường a. Nhà đất trên là tài sản chung của cha mẹ bà là ông Trần Văn A và bà Nguyễn Thị A1 nên ông A không có quyền định đoạt toàn bộ căn nhà cho bà M.

Nay bà T yêu cầu không công nhận Tờ di chúc ngày 25/02/1997 đứng tên ông Trần Văn A đồng thời bà T yêu cầu chia di sản thừa kế theo pháp luật đối với nhà đất căn nhà số 455/13 đường a, Phường M, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tại phiên hòa giải của Tòa án cấp sơ thẩm bà Trần Thị T rút yêu cầu chia thừa kế và tại phiên tòa sơ thẩm bà T yêu cầu công nhận nguyên đơn cùng các đồng thừa kế gồm bà Trần Thị M, ông Trần Văn C, ông Trần Văn M1, ông Trần Văn H1, bà Châu Thị Tuyết V và chị Trần Thị Tuyết H2 đều có quyền cư ngụ tại căn nhà 455/13 Đường a, Phường M, Quận X.

Tại đơn yêu cầu phản tố ngày 17/10/2018 và trong quá trình giải quyết tại Tòa án cấp sơ thẩm, bà Trần Thị M trình bày:

Bà Nguyễn Thị A1 chết không định đoạt tài sản cho bất kỳ ai. Trước khi chết ông Trần Văn A có lập di chúc cho bà M hưởng toàn bộ di sản của ông A, di chúc có xác nhận chữ ký tại Ủy ban nhân dân Phường M, Quận X ngày 25/02/1997.

Bà Trần Thị M yêu cầu Tòa án không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn và công nhận tờ di chúc trên là hợp pháp. Bà M yêu cầu chia tài sản chung là phần di sản của bà A1 đối với nhà đất 455/13 Đường a, Phường M, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh, đồng thời yêu cầu các đồng thừa kế trả lại số tiền bà M đã bỏ ra sửa chữa căn nhà 455/13 Đường a Phường M, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh là 72.000.000 (bảy mươi hai triệu) đồng.

Ngày 30 tháng 5 năm 2019 bà M rút yêu cầu chia tài sản chung là phần di sản của bà Nguyễn Thị A1 đối với nhà đất 455/13 Đường a, Phường M, Quận X, Thành

phố Hồ Chí Minh và rút yêu cầu các đồng thừa kế trả lại số tiền bị đơn đã sửa chữa nhà số 455/13 Đường a Phường M, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh là.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn C, ông Trần Văn H1, bà Châu Thị Tuyết V và bà Trần Thị Tuyết Vân trình bày: Thống nhất toàn bộ trình bày và yêu cầu của nguyên đơn.

Ông Trần Văn M1 không có ý kiến gì về Tờ di chúc của ông Trần Văn A. Hiện ông Mười đang ở căn nhà trên, ông bị mù không có khả năng lao động.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 150/2019/DS-ST ngày 24/7/2019 của Tòa án nhân dân Quận X đã tuyên xử:

1. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của nguyên đơn bà Trần Thị T về yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật đối với nhà đất 455/13 Đường a, Phường M, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh làm 06 phần bằng nhau gồm: Bà Trần Thị T bà Trần Thị M, ông Trần Văn C, ông Trần Văn M1, ông Trần Văn H1, ông Trần Văn H3 (chết), có vợ là bà Châu Thị Tuyết V và con Trần Thị Tuyết H2.

2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu phản tố của bị đơn Trần Thị M về việc yêu cầu chia tài sản chung là phần si sản của bà Nguyễn Thị A1 đối với nhà đất tọa lạc tại số 455/13 Đường a, Phường M, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh và yêu cầu của các hàng thừa kế trả lại số tiền bị đơn đã bỏ ra sửa chữa nhà số 455/13 Đường a, Phường M, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh là 72.000.000 (bảy mươi hai triệu) đồng.

3. Chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn bà Trần Thị T.

Công nhận một phần nội dung tờ di chúc do ông Trần Văn A lập ngày 25/02/1997 có xác nhận của Ủy ban nhân dân Phường M, Quận X cùng ngày 25/02/1997 đối với phần di sản của ông Trần Văn A được hưởng là 31/54 giá trị căn nhà số 457/295 (số mới 455/13) Đường a, Phường M, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự bà Trần Thị T, bà Trần Thị M, ông Trần Văn C, ông Trần Văn M1, ông Trần Văn H1, ông Trần Văn H3 (chết) có vợ là bà Châu Thị Tuyết V và con là Trần Thị Tuyết H2 được quyền cư ngụ tại nhà số 457/295 (số mới 455/13) Đường a, Phường M, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh cho đến khi có thỏa thuận khác hoặc bản án khác có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên nghĩa vụ chịu chi phí giám định chữ ký, chi phí định giá tài sản, án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 02/8/2019 bà Trần Thị T, ông Trần Văn C, ông Trần Văn H1, bà Châu Thị Tuyết V và bà Trần Thị Tuyết H2 có đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, cho rằng bản án sơ thẩm công nhận một phần nội dung Tờ di chúc do ông Trần Văn A lập ngày 25/02/1997 đối với phần di sản của ông Trần Văn A để lại cho bà Trần Thị M được hưởng 31/54 trị giá căn nhà số 457/295 (số mới 455/13) Đường a, Phường M, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trong giai đoạn xét xử phúc thẩm bà Trần Thị T cung cấp cho Tòa án Chứng minh thư số 020060381 ngày 22/10/1997 mang tên Trần Văn A và yêu cầu Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thu thập chữ ký của ông Trần Văn A trong hồ sơ cấp chứng minh nhân dân năm 1997 làm mẫu để trưng cầu giám định chữ ký của ông Trần Văn A trong Tờ di chúc ngày 25/02/1997.

Ngày 27/5/2020 ông Trần Văn C chết, bà Trần Thị Thanh T1 là vợ của ông Trần Văn C đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Nguyên đơn vẫn giữ yêu cầu khởi kiện, những người kháng cáo vẫn giữ yêu cầu kháng cáo, bị đơn đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật; các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn tranh luận: Tờ di chúc do ông Trần Văn A lập có phần đầu “*kính gửi phòng công chứng*”, phần cuối “*kính mong các quý lãnh đạo xem xét chấp thuận*” nên là đơn mà không phải là di chúc, không tuân thủ về hình thức theo quy định tại Bộ luật dân sự năm 1995. Nội dung của Tờ di chúc thì ông A đã di chúc toàn bộ căn nhà cho bà M là vượt quá phần tài sản của ông A nên Tờ di chúc không hợp pháp, nếu đương sự có yêu cầu chia di sản thừa kế thì chia theo pháp luật. Phiên hòa giải ngày 05/6/2021 bà T đã rút yêu cầu chia thừa kế, bà M đã rút yêu cầu chia tài sản chung của bà A1 trong căn nhà số 457/295 Đường a nhưng Tòa sơ thẩm vẫn chia di sản thừa kế cho bà M được 31/54 phần căn nhà là vượt quá yêu cầu của đương sự. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn tranh luận: Tờ di chúc ngày 25/02/1997 của ông Trần Văn A là hợp pháp vì được thể hiện bằng văn bản, có xác nhận chữ ký ông A của đại diện Ủy ban nhân dân Phường, sau khi bị bà T khiếu nại việc lập di chúc của ông A thì ông Trần Văn A trình bày tại Biên bản làm việc

ngày 07/7/2009 có nội dung: Tờ di chúc do ông A lập, để lại căn nhà cho bà M. Di chúc của ông A không trái với quy định của Bộ luật dân sự năm 1995 nên hợp pháp về hình thức. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn đồng ý với ý kiến người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn về việc Bản án sơ thẩm chia di sản thừa kế của ông A là vượt quá yêu cầu của đương sự. Đề nghị Hội đồng xét xử bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan giữ nguyên ý kiến như tại Tòa án cấp sơ thẩm.

-Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ các quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Những người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của họ theo quy định của pháp luật. Các đương sự kháng cáo trong hạn luật định nên hợp pháp về hình thức.

Về nội dung: Tờ di chúc do ông Trần Văn A lập ngày 25/02/1997 có nội dung ghi rõ di sản để lại, người được hưởng di sản, đồng thời thể hiện đầy đủ các nội dung quy định tại Điều 656 Bộ luật dân sự năm 1995. Di chúc được lập bằng văn bản có chữ ký của người lập di chúc và chứng thực chữ ký của Ủy ban nhân dân Phường M, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh. Theo quy định tại Điều 658, 661 Bộ luật dân sự năm 1995 thì người lập di chúc không bắt buộc phải điểm chỉ vào bản di chúc

Bà T cho rằng chữ ký trên di chúc không phải của ông Trần Văn A và yêu cầu giám định. Tại kết luận giám định số 795/KLGD-TT ngày 22/4/2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh đã kết luận: Không đủ cơ sở kết luận chữ ký mang tên Trần Văn A trên tài liệu cần giám định với chữ ký Trần Văn A trên tài liệu dùng làm so sánh có phải do cùng một người ký ra hay không.

Bà T cho rằng tại thời điểm lập di chúc ông A không còn minh mẫn nhưng bà không có tài liệu chứng minh, đồng thời tại Biên bản làm việc ngày 07/7/2009 của Ủy ban nhân dân Phường M, Quận X có chữ ký và điểm chỉ của ông A, ông A trình bày : Ông A khẳng định lúc lập di chúc vào năm 1997, tinh thần hoàn toàn minh mẫn và có sự lựa chọn. Tại bản kết luận giám định số 2397/KLGD-TL ngày 19/4/2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh kết luận: Dấu vân tay bên

phải mang tên Trần Văn A trên tài liệu cần giám định (Biên bản làm việc ngày 07/7/2009) với dấu vân tay ngón trỏ phải của Trần Văn A trên tài liệu mẫu so sánh là dấu vân tay của cùng một người. Mặt khác, thời điểm ông A còn sống Tư đã biết việc ông A lập di chúc để lại tài sản cho bà M, bà T đã khiếu nại đến việc lập di chúc này và được Ủy ban nhân dân Phường M, Quận X trả lời tại văn bản số 60/UBND-TP ngày 20/5/2009. Khi ông A còn sống bà T đã hỏi ông A về việc lập di chúc trên và nêu di chúc trên không phải do ông A lập thì ông A đã nói rõ cho các con biết và bà T không phải khiếu nại đến cơ quan nhà nước.

Từ những căn cứ trên có đủ cơ sở xác định Tờ di chúc ngày 25/02/1997 phù hợp với quy định của pháp luật, thể hiện ý chí của ông Trần Văn A nên hợp pháp và có giá trị đối với phần di sản do ông A để lại. Di sản là nhà đất 455/13 Đường a do ông A và bà A1 cùng tạo lập nên di chúc của ông Trần Văn A không hợp pháp và không có hiệu lực đối với di sản của bà A1 trong nhà đất trên. Tại cấp sơ thẩm các đương sự đã rút yêu cầu chia thừa kế, rút yêu cầu thanh toán chi phí sửa chữa nhà. Án sơ thẩm công nhận một phần nội dung tờ di chúc đồng thời tính cụ thể phần di sản của ông A để lại cho bà M được hưởng 31/54 giá trị nhà đất là vượt quá yêu cầu khởi kiện của đương sự. Do đó cần sửa án sơ thẩm theo hướng chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xác định di chúc không hợp pháp phần định đoạt tài sản do bà A1 để lại cho các thừa kế và không tính cụ thể tỷ lệ kỷ phần bà M được hưởng theo di chúc, khi nào các đương sự có yêu cầu chia thừa kế thì giải quyết bằng vụ án khác.

Đề nghị Hội đồng xét xử : Chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 150/2019/DS-ST ngày 24/7/2019 của Tòa án nhân dân Quận X theo phân tích trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm, sau khi nghị án, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Thủ tục kháng cáo: Ngày 05/8/2019 Tòa án nhân dân Quận X nhận đơn kháng cáo của bà Trần Thị T, ông Trần Văn H1, bà Trần Thị Tuyết H2; ngày 06/8/2019 Tòa án nhân dân Quận X nhận đơn kháng cáo của ông Trần Văn C và bà Châu Thị Tuyết V kháng cáo Bản án dân sự sơ thẩm số 150/2019/DS-ST ngày 24/7/2019 của Tòa án nhân dân Quận X. Đơn của những người kháng cáo trong thời hạn quy định tại Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự nên hợp lệ.

[1.2] Về việc bà Trần Thị T yêu cầu Tòa án thu thập chữ ký của ông Trần Văn A trong hồ sơ cấp Chứng minh nhân dân năm 1997. Tòa án đã tiến hành thu thập tại Công an Thành phố Hồ Chí Minh nhưng chỉ thu thập được chữ ký trong Tờ khai chứng minh nhân dân và Chỉ bản của ông Trần Văn A số 020060831 do Công an Thành phố Hồ Chí Minh lập ngày 24/4/1978.

[1.3] Ngày 27/5/2020 ông Trần Văn C chết, bà Trần Thị Thanh T1 nộp Tòa án Giấy chứng nhận kết hôn của bà và ông Trần Văn C. Tòa án đưa bà Thùy tham gia tố tụng với tư cách là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Trần Văn C. Bà Thùy đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử vắng mặt bà Thùy.

[1.4] Ngày 11/6/2021 ông Huỳnh Phi L là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn nộp cho Tòa án Giấy khai sinh do Ủy ban nhân dân Phường 4 Quận 3 cấp ngày 26/7/2007 tên Trần Thanh H4 sinh ngày 09/3/2001 và bản sao Di chúc của ông Trần Văn C ngày 09/01/2020, nội dung di chúc ông Chính để lại tài sản thừa kế cho ông Trần Thanh H4. Tại phiên tòa ngày 16/6/2021 xuất hiện một người, người đó trình bày tên là Trần Thanh H4 có bố là Trần Văn H5 và mẹ là Nguyễn Thị Lệ T2 đều đã chết, ông nội là Trần Văn C đồng thời người đó (người khai là Trần Thanh H4) nộp cho Hội đồng xét xử Bản sao giấy khai sinh mang tên Trần Văn H5 có ghi tên cha là Trần Văn C và mẹ là Vũ Thị N, cha mẹ không có hôn thú. Ông Huỳnh Phi L trình bày: gặp người thanh niên này ở sân Tòa án, anh ta nhờ nộp hộ nên ông đã nộp bản sao Di chúc và Giấy khai sinh tên Trần Thanh H4 ông không biết người đó ở đâu và mối quan hệ như thế nào. Cả nguyên đơn và bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đều không biết Trần Thanh H4 là ai.

Hội đồng xét xử đã tạm ngừng phiên tòa yêu cầu người khai nhận là Trần Thanh H4 cung cấp hộ khẩu, địa chỉ, chứng minh nhân dân hoặc căn cước công dân

(để chứng minh là Trần Thanh H4) và Hội đồng xét xử còn yêu cầu người đó cung cấp địa chỉ của ông Trần Văn H5, bà Nguyễn Thị Lệ T2 và giấy chứng tử của họ Tại phiên tòa ngày 28/6/2021 người khai nhận là Trần Thanh H4 không có mặt, không cung cấp thêm cho Tòa án tài liệu gì nên Tòa án không có thông tin để xác minh những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Chín.

Theo giấy khai sinh của Trần Thanh H4 để trống phần ghi tên cha, do đó không có căn cứ để xác định Trần Thanh H4 là cháu của ông Trần Văn C, hơn nữa Tòa án không có thông tin, địa chỉ của ông Trần Thanh H4 nên Tòa án không có căn cứ đưa ông Hồ là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Chín. Trong vụ án này bà Trần Thị T là người yêu cầu chia di sản thừa kế đã rút yêu cầu chia di sản thừa kế, Tòa án cấp sơ thẩm đã đình chỉ yêu cầu của bà Trần Thị T về yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật đối với nhà đất 455/13 Đường a, Phường M, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh (gọi là nhà đất 455/13 Đường a), do vậy Tòa án cấp phúc thẩm không chia di sản thừa kế đối với nhà đất 455/13 Đường a nên không đưa ông Trần Thanh H4 tham gia tố tụng trong vụ án để xét di chúc của ông Trần Văn C.

Những người liên quan đến di sản của ông Trần Văn C có quyền khởi kiện bằng vụ án khác.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của những người kháng cáo cho rằng:

[2.1] Văn bản do ông Trần Văn A lập ngày 25/02/1997 không hợp pháp vì văn bản này là đơn gửi Trưởng phòng công chứng, không phải là di chúc. Xét thấy, Tờ di chúc do ông Trần Văn A lập ngày 25/02/1997 (gọi là Tờ di chúc) có ghi: *“Nay tôi làm tờ di chúc, muốn để lại căn nhà tôi đang ở cho con tôi có tên dưới đây:*

- Trần Thị M, sinh năm 1953, CMND số 020043693, cấp ngày: 18-04-1978. Hiện cư trú tại số nhà: 457/295 Đường a F3 Q5 TPHCM.

-Tôi làm tờ di chúc này, sợ sau ngày tôi già sức yếu, không giải quyết được, nay tôi sức khỏe còn sáng suốt, tinh thần minh mẫn, tôi để lại tờ di chúc cho con tôi có tên kể trên được thừa hưởng, tránh về sau tôi qua đời không ai can thiệp

- Trước đây vào năm 1953, căn nhà do tôi tự xây cất và đứng chủ quyền cho đến ngày nay.

- *Kính mong quý cấp lãnh đạo xem xét chấp thuận theo tờ di chúc mà tôi đã ký tên và đồng ý cho con tôi được hưởng căn nhà số :457/295 Đường a F3Q5 TPHCM”.*

Theo Điều 649 Bộ luật dân sự năm 1995 thì “*Di chúc là sự thể hiện ý chí của cá nhân nhằm chuyển tài sản của mình cho người khác sau khi chết*”. Nội dung đã trích dẫn trên thể hiện ý chí của ông Trần Văn A nhằm chuyển tài sản của ông lại cho bà M sau khi chết nên là “*Di chúc*” chứ không phải “*Đơn*” như ý kiến của bà Trần Thị T và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà T. Di chúc của ông Trần Văn A được lập bằng văn bản có xác nhận chữ ký của Ủy ban nhân dân Phường M, Quận X ở cuối Tờ di chúc “*Xác nhận chữ ký Trần Văn A hiện thường trú tại 457/295 Đường a.Ngày 25.2.1997*” (Thay mặt Ủy ban nhân dân Phường M, Quận X, Ký thay Chủ tịch, Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân phường đã ký và đóng dấu). Như vậy, Ủy ban nhân dân Phường M, Quận X đã xác nhận chữ ký của ông Trần Văn A chứ không phải xác nhận hộ khẩu thường trú như ý kiến của bà Trần Thị T.

[2.2] Bà Trần Thị T cho rằng thời điểm lập văn bản, ông Trần Văn A cao tuổi, bị bệnh, tinh thần không minh mẫn nhưng bà T không xuất trình được chứng cứ chứng minh. Còn việc bà T cho rằng chữ ký trên Tờ di chúc không phải là chữ ký của ông Trần Văn A, Hội đồng xét xử xét thấy: vào năm 2009 khi ông Trần Văn A còn sống bà Trần Thị T đã khiếu nại việc Ủy ban nhân dân Phường M Quận X xác nhận di chúc của ông Trần Văn A. Ngày 07/7/2009 Ủy ban nhân dân Phường M, Quận X đã lập biên bản làm việc “*v/v đơn quyết khiếu nại của bà Trần Thị T cư ngụ 93/96 Bạch Vân P5Q5 về việc lập di chúc đối với căn nhà 455/13 ADV của ông Trần Văn A*” (gọi là Biên bản làm việc ngày 07/7/2009), trong biên bản ghi ý kiến ông Trần Văn A, ông A ký và điểm chỉ. Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã trưng cầu giám định dấu vân tay trong Biên bản làm việc ngày 07/7/2009 (ký hiệu A1) và dấu vân tay trong tờ Chỉ bản của ông Trần Văn A (ký hiệu M2). Bản kết luận giám định số 2397/KLGD-TT ngày 19/4/2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh kết luận: “*1.Dấu vân tay bên phải mang tên Trần Văn A trên tài liệu giám định ký hiệu A1 (đã nêu ở mục II.1) so với dấu vân tay ngón trỏ phải Trần Văn A trên tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M2 (đã nêu ở mục II.2) là dấu vân tay của cùng một người*”. Như vậy, ông Trần Văn A đã điểm chỉ vào Biên bản làm việc ngày 07/7/2009, biên bản ghi ý kiến của ông Trần Văn A ...“*Ông A khẳng định lúc lập di chúc vào năm 1997 tinh thần hoàn toàn minh mẫn và có sự lựa chọn, bà M là người*

hiền lành nên ông tin tưởng giao phần tài sản là căn nhà 455/13 Đường a cho bà M làm nơi thờ cúng tổ tiên...”, từ đó xác định Tờ di chúc do chính ông Trần Văn A ký, nội dung thể hiện ý chí của ông Trần Văn A, có xác nhận của Ủy ban nhân dân phường nên phù hợp quy định tại Điều 660 Bộ luật dân sự năm 1995. Do vậy, Tờ di chúc do ông Trần Văn A lập không trái với quy định của pháp luật nên không bị coi là không hợp pháp về hình thức.

[2.3] Về nội dung của di chúc: Nội dung di chúc thể hiện ông A để lại căn nhà số 457/295 Đường a cho bà M, tuy nhiên tất cả đương sự đều thừa nhận nhà đất số 457/295 Đường a thuộc sở hữu chung của ông Trần Văn A và bà Nguyễn Thị A1. Bà A1 chết không để lại di chúc phần sở hữu của bà trong nhà đất số 457/295 Đường a cho ông A nên ông A không có quyền định đoạt toàn bộ nhà đất trên cho bà M. Do vậy, di chúc của ông Trần Văn A không hợp pháp một phần.

[2.4] Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn, bị đơn và những người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của họ đều cho rằng bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân Quận X đã chia thừa kế nhà đất số 457/295 để xác định những người được hưởng di sản của ông A và bà A1, trong đó bà M được hưởng là 31/54 nhà đất số 457/295 Đường a là giải quyết vượt quá yêu cầu đương sự. Hội đồng xét xử xét thấy: Bà Trần Thị T yêu cầu Tòa án không công nhận Tờ di chúc là hợp pháp. Bà Trần Thị M yêu cầu Tòa án công nhận Tờ di chúc là hợp pháp. Yêu cầu của bà M bản chất là phản bác lại yêu cầu của bà T chứ không phải là yêu cầu phản tố. Tòa án cấp sơ thẩm chia phần di sản của bà A1, ông A trong khi bà T đã rút yêu cầu chia thừa kế, bà M rút yêu cầu chia tài sản chung của bà A1, mục đích của nguyên đơn yêu cầu Tòa án tuyên bố di chúc không hợp pháp để bà M không có toàn quyền sử dụng và định đoạt nhà đất 457/295 Đường a. Việc chia di sản của Tòa án cấp sơ thẩm là chưa phù hợp với yêu cầu của đương sự. Khi nào các đương sự có yêu cầu chia thừa kế khi đó di chúc của ông Trần Văn A sẽ được xem xét xác định cụ thể phần hợp pháp. Do vậy, Hội đồng xét xử điều chỉnh bản án sơ thẩm cho phù hợp với yêu cầu của đương sự.

Từ những căn cứ trên, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đồng thời chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn và của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan về việc tuyên bố Tờ di chúc của ông Trần Văn A là không hợp pháp toàn bộ.

[3] Các nội dung khác của bản án sơ thẩm không bị các đương sự kháng cáo nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Về chi phí giám định tại cấp phúc thẩm: Bà Trần Thị T phải chịu theo quy định tại Điều 161 và Điều 165 Bộ luật dân sự. Bà T đã nộp xong.

[5] Về án phí:

[5.1] Án phí dân sự sơ thẩm: Miễn toàn bộ án phí cho bà Trần Thị T và bà Trần Thị M.

[5.2] Án phí dân sự phúc thẩm: Do bản án dân sự bị sửa nên những người kháng cáo không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 166, Điều 357, Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Luật thi hành án dân sự;

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bà Trần Thị T, ông Trần Văn C, ông Trần Văn H1, bà Châu Thị Tuyết V và chị Trần Thị Tuyết H2 về yêu cầu tuyên bố Tờ di chúc do ông Trần Văn A lập ngày 25/02/1997 là không hợp pháp toàn bộ. Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 150/2019/DS-ST ngày 24 tháng 7 năm 2019 của Tòa án nhân dân Quận X.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị T.

Tuyên bố di chúc do ông Trần Văn A lập ngày 25/02/1997 có xác nhận của Ủy ban nhân dân Phường M, Quận X không hợp pháp đối với phần tài sản của bà Nguyễn Thị A1 trong nhà đất số 457/295 (số mới 455/13) Đường a, Phường M, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh mà ông Trần Văn A để lại cho bà Trần Thị M.

2. Ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự bà Trần Thị T, bà Trần Thị M, ông Trần Văn C, ông Trần Văn M1, ông Trần Văn H1, ông Trần Văn H3 (chết) có vợ là bà Châu Thị Tuyết V và con là Trần Thị Tuyết H2 được quyền cư ngụ tại nhà số 457/295 (số mới 455/13) Đường a, Phường M, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh cho đến khi có thỏa thuận khác hoặc bản án khác có hiệu lực pháp luật.

3. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của nguyên đơn bà Trần Thị T về yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật đối với nhà đất 455/13 Đường a, Phường M, Quận X,

Thành phố Hồ Chí Minh làm 06 phần bằng nhau gồm: Bà Trần Thị T bà Trần Thị M, ông Trần Văn C, ông Trần Văn M1, ông Trần Văn H1, ông Trần Văn H3 (chết), có vợ là bà Châu Thị Tuyết V và con Trần Thị Tuyết H2.

4. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu phản tố của bị đơn Trần Thị M về việc yêu cầu chia tài sản chung là phần di sản của bà Nguyễn Thị A1 đối với nhà đất tọa lạc tại số 455/13 Đường a, Phường M, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh và yêu cầu của các hàng thừa kế trả lại số tiền bị đơn đã bỏ ra sửa chữa nhà số 455/13 Đường a, Phường M, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh là 72.000.000 (bảy mươi hai triệu) đồng.

5. Về án phí, chi phí giám định và chi phí định giá tài sản:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Miễn toàn bộ án phí cho bà Trần Thị T và bà Trần Thị M.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Những người kháng cáo không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Trả lại ông Trần Văn H1, bà Châu Thị Tuyết V và bà Trần Thị Tuyết H2 mỗi người 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm ông Hiền đã nộp theo Biên lai số AA/2018/0035345 ngày 06/8/2019, bà Vân đã nộp theo Biên lai số AA/2018/0035357 ngày 06/8/2019, bà Hương đã nộp theo Biên lai số AA/2018/0035356 ngày 06/8/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự Quận X.

- Chi phí tại cấp sơ thẩm: Bà Trần Thị T chịu 600.000 đồng chi phí giám định và 1.000.000 đồng chi phí định giá (đã nộp đủ).

- Chi phí tại cấp phúc thẩm: Bà Trần Thị T chịu 3.570.000 đồng chi phí giám định (đã nộp đủ).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Khoản 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Thương Huyền